

Thất thu thuế: Một số vấn đề đặt ra và giải pháp xử lý

Thất thu thuế là một hiện tượng khách quan của bất kỳ một hệ thống thuế nào và là một vấn đề mang tính chất toàn cầu. Chống thất thu thuế là mối quan tâm chung của tất cả các quốc gia nhằm đảm bảo nguồn thu cho ngân sách để thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế. Vì vậy, cần phải nhận diện được các hình thức chủ yếu làm thất thu thuế và từ đó có những biện pháp nhằm xử lý kịp thời, hiệu quả.

1. Các hình thức làm thất thu thuế và thách thức đặt ra

1.1. Nhận diện một số hình thức chủ yếu làm thất thu thuế

Tránh thuế

Theo Tổ chức Hợp tác và Phát triển kinh tế (OECD), một số nhân tố làm phát sinh hoạt động tránh thuế¹ bao gồm: (i) Hệ thống chính sách thuế phức tạp, thiếu thống nhất, còn nhiều

¹ Tránh thuế là cách thức mà đối tượng nộp thuế vẫn tuân thủ các quy định của pháp luật nhưng cố gắng tìm ra kẽ hở trong các chính sách thuế nhằm giảm bớt số thuế phải nộp hoặc tránh phải nộp thuế (lách luật).

kế hoạch hoặc có sự buông lỏng quản lý; (ii) Thiếu sự minh bạch trong các chính sách dẫn đến hiểu sai, vận dụng sai chính sách.

Tránh thuế là một dạng thất thu “tiềm năng”, gây thất thoát nhiều nguồn thu của ngân sách nhà nước do quy định của pháp luật còn thiếu hoặc chưa chặt chẽ trong khi doanh nghiệp, cá nhân luôn mong muốn giảm được số thuế phải nộp. Trường hợp tránh thuế của Tập đoàn Google (Hoa Kỳ) tại Anh là một ví dụ. Google đã kiếm được lợi nhuận khá lớn từ các khách hàng tại Anh nhưng tập đoàn đa quốc gia này đã lách luật thành công thông qua việc đặt trụ sở chính tại Ireland thay vì tại Anh, nhờ đó lợi nhuận từ Anh bị đưa về Ireland để chịu mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) thấp hơn (12,5%) so với tại Anh (20%) và nhiều nước khác. Theo cách tương tự, Facebook cũng tránh thuế “hợp pháp”, gây thất thu thuế cho nước Anh.

Trốn thuế

Trốn thuế được hiểu là việc đối tượng nộp thuế sử dụng những cách thức bất hợp pháp nhằm mục đích không thực hiện nghĩa vụ nộp thuế theo luật định, ví dụ không kê khai một hoặc một số khoản thu nhập chịu thuế. Các hình thức trốn thuế bao gồm²: (i) Cố tình không kê khai thuế; (ii) Khai báo gian dối đối với các khoản lỗ không tồn tại; (iii) Sử dụng hóa đơn chứng từ sai phạm; (iv) Cơ cấu tổ chức kinh doanh không rõ ràng; (v) Rời khỏi một quốc gia khi vẫn đang là đối tượng nợ thuế của quốc gia đó.

² OECD (1987), *International Tax Avoidance and Evasion: Four Related Studies*; HM Revenue and Customs (3/2015), *Tackling Tax Evasion and Avoidance*”, p.5.

Dàn xếp về thuế

Hoạt động dàn xếp về thuế được hiểu là việc sắp xếp các giao dịch xuyên quốc gia với sự hiểu biết về quy tắc đánh thuế, từ đó tìm ra kẽ hở của luật pháp các nước và hợp pháp hóa hoạt động kinh doanh, thu nhập cũng như luồng vốn. Hoạt động này xảy ra chủ yếu ở các tập đoàn đa quốc gia.

1.2. Thách thức từ thất thu thuế

Tránh thuế và trốn thuế là hai hình thức chủ yếu gây thất thu ngân sách khá lớn ở tất cả các quốc gia (Bảng 1). Theo OECD, số thu thuế toàn cầu bị mất đi do các hành vi làm xói mòn cơ sở thu thuế và chuyển lợi nhuận ra nước ngoài (BEPS) khoảng 100 - 240 tỷ USD/năm, tương đương 4 - 10% số thu thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hằng năm³. Riêng đối với các nước đang phát triển - những nước phụ thuộc nhiều hơn vào nguồn thu từ thuế TNDN - tác động của BEPS là đặc biệt nghiêm trọng do hệ thống pháp lý, chính sách thuế còn khiếm khuyết; thiếu kinh nghiệm và chưa đủ nguồn lực để quản lý, giảm thiểu thất thu thuế⁴. Do đó, chính phủ các nước cần xác định và phân loại được các hoạt động tiềm năng gây thất thu thuế và có những biện pháp chống thất thu thuế phù hợp với điều kiện của từng nước.

³ Bài tham luận của ông Đặng Ngọc Minh, Phó Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế, Bộ Tài chính tại Hội thảo cấp cao về BEPS tại Hà Nội ngày 07 - 08/7/2016 về “Triển khai thực hiện chống xói mòn nguồn thu và chuyển lợi nhuận, các ưu tiên đối với Việt Nam.

⁴ Dr. Patricia (01/2013), *Anti-tax Avoidance Measures in China and India: An Evaluation of Specific Court Decisions*.

Bảng 1. Tổng số thất thu thuế ở một số quốc gia do hoạt động trốn thuế

Quốc gia/Chỉ tiêu	GDP (triệu USD)	Thất thu thuế (Triệu USD)	Thất thu thuế so với GDP (%)
Hoa Kỳ	1.458.2400	337.349	2,31
Brazil	2.087.890	280.111	13,42
Italia	2.051.412	238.723	11,64
Nga	1.479.819	221.023	14,94
Đức	3.309.669	214.996	6,50
Pháp	2.650.002	171.264	6,46
Nhật Bản	5.497.813	171.147	3,11
Trung Quốc	5.878.629	134.385	2,29
Anh	2.246.079	109.216	4,86
Tây Ban Nha	1.407.405	107.350	7,63
Indonesia	706.558	17.761	2,51
Malaysia	237.804	11.243	4,73
Philippines	199.589	11.707	5,87
Singapore	222.699	4.079	1,83
Nam Phi	363.704	25.518	7,02
Hàn Quốc	1.014.483	72.320	7,13
Thái Lan	318.847	25.814	8,10

Nguồn: Tính toán theo The Tax Justice Network (2011)

Tại Indonesia, thất thu thuế thể hiện qua các vấn đề như: Mức độ tuân thủ thuế thấp; tỷ trọng đóng góp của thuế thu nhập cá nhân (TNCN) khá thấp; khoản thuế của khu vực doanh nghiệp nhỏ và vừa (DNNVV), các doanh nghiệp báo lỗ ở tất cả các năm (liên quan đến chuyển giá) khó được xác định và có nhiều vụ dàn xếp về thuế dẫn tới hiện tượng tránh/trốn thuế⁵.

⁵ IMF (2016), *Tax Reform to Improve Tax Compliance*.

Tại Trung Quốc, có nhiều nguyên nhân dẫn đến các hành vi trốn thuế hay tránh đánh thuế, như: (i) Khai báo thiếu, sai giá trị hàng hóa; (ii) Khai báo thiếu, sai số thuế phải nộp; (iii) Phân loại sai giữa hàng hóa thuế suất cao với hàng hóa thuế suất thấp⁶. Các doanh nghiệp sản xuất có thể thực hiện các hành vi trốn thuế bằng việc khai báo sai giá bán với các công ty thương mại trung gian trong nước, đặc biệt là khi tiêu thụ những sản phẩm do chính doanh nghiệp đó sản xuất. Hành vi trốn thuế thông qua các hoạt động thương mại trung gian có thể sẽ liên quan đến các hoạt động giao dịch biên mậu thông qua việc khai báo sai trị giá hàng hóa xuất khẩu cho các đối tác nước ngoài⁷.

Bảng 2. Thất thu thuế ở một số khu vực do hoạt động trốn thuế ở nước ngoài của các cá nhân

Quốc gia/chỉ tiêu	Khối tài sản ở nước ngoài (tỷ USD)	Tỷ trọng so với tổng tài sản của thế giới (%)	Thất thu thuế (Tỷ USD)	Tỷ trọng thất thu thuế/khối tài sản ở nước ngoài (%)
Châu Âu	2.600	10	75	2,9
Hoa Kỳ	1.200	4	36	3,0
Châu Á	1.300	4	35	2,7
Mỹ La tinh	700	22	21	3,0
Châu Phi	500	30	15	3,0
Canada	300	9	6	2,0
Nga	200	50	1	0,5
Khu vực khác	800	57
Tổng số	7.600	8	189	2,5

Nguồn: Tính toán theo Department of Economics and Centre for Macroeconomics, 2016⁸

⁶ Fisman. R, Wei. Shang (2003), *Tax Rates and Tax Evasion: Evidence from "Missing Imports" in China*.

⁷ Liu. X, Shi. H, Ferrantino.M (2014), *Tax Evasion through Trade Inter-mediation*.

⁸ Gabriel Zucman (2016), *The Hidden Wealth of Nations*.

Tại Hàn Quốc, theo Mạng lưới tư pháp thuế, nước này đứng thứ ba trên thế giới về hoạt động tích lũy tài sản với giá trị khoảng 779 tỷ USD được chuyển tới các quốc gia nằm trong thiên đường thuế giai đoạn 1970 - 2012. Trong năm 2012, khoảng 2 nghìn tỷ KRW đã được báo cáo một cách hợp pháp và nộp vào các quốc gia tại thiên đường thuế.

2. Một số giải pháp chống thất thu thuế

Các giải pháp chống thất thu ở các quốc gia tập trung vào: (i) Hoàn thiện hệ thống chính sách thuế, tập trung vào thuế TNDN; (ii) Hoàn thiện hệ thống quản lý thu thuế; (iii) Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ quản lý thu thuế; (iv) Phát triển nguồn nhân lực, nâng cao trình độ cán bộ quản lý thu thuế.

2.1. Hoàn thiện hệ thống chính sách thuế

Gần đây, một số quốc gia OECD đã thực hiện các biện pháp mở rộng cơ sở thuế TNDN hoặc tăng thuế suất nhằm chống thất thu thuế, cụ thể là hiện tượng tránh thuế ở tầm quốc tế⁹. Chẳng hạn, Áo mở rộng cơ sở tính thuế và tăng thuế suất đối với các giao dịch bất động sản, đồng thời xóa bỏ quy định chi phí được trừ đối với khoản chi đào tạo của doanh nghiệp). Nhật Bản ngoài việc tiến hành giảm thuế suất thuế TNDN từ 25,5% xuống 23,9% trong năm 2015, giảm tiếp xuống 23,4% trong năm 2016 và 2017 và 23,2% vào năm 2018, còn thực hiện các biện pháp mở rộng cơ sở thuế bao gồm đơn giản hóa hệ thống thuế đối với khấu hao và giảm ngưỡng tối đa của các

⁹ OECD (2016), *Tax Reform in the OECD 2016*, OECD Publishing, Paris.

khoản lỗ được khấu trừ khi tính thu nhập chịu thuế của doanh nghiệp. Hungary thực hiện nhiều biện pháp chống tránh thuế bao gồm: Hoàn thiện hành lang pháp lý quy định rõ hơn về định nghĩa các doanh nghiệp tổng hợp; hạn chế việc sử dụng các khoản lỗ hoãn lại trong trường hợp tái cơ cấu doanh nghiệp; mở rộng cơ sở thuế đối với lợi nhuận tối thiểu cũng như quy định hướng dẫn về chuyển giá một cách chặt chẽ hơn.

Việc xử lý BEPS là ưu tiên ở các quốc gia OECD, theo đó, từ năm 2015, một số quốc gia bắt đầu cải cách chính sách thuế, mở rộng cơ sở thuế để chống tránh thuế, giảm thiểu các hoạt động dàn xếp pháp lý về thuế. Tháng 01/2016, Luật Chống tránh thuế đa quốc gia ở Úc có hiệu lực với mục tiêu hướng vào việc các tập đoàn đa quốc gia (MNC) phát sinh lợi nhuận tại Úc mà không phải chịu thuế ở quốc gia này, nếu các MNC có các hoạt động dàn xếp nhằm tránh thuế thì thu nhập tương ứng sẽ phải chịu thuế TNDN¹⁰. Trong khi đó, Anh đưa ra 2 quy định mới đối với thuế đánh vào chuyển lợi nhuận được bổ sung và có hiệu lực vào năm 2015: (i) Các công ty không có cơ sở thường trú tại Anh mà cung cấp hàng hóa và dịch vụ trong phạm vi nước Anh sẽ phải chịu thuế suất 25% của lợi nhuận phát sinh từ các hoạt động đó; (ii) Các công ty dù có hay không có cơ sở thường trú tại Anh đều phải chịu thuế TNDN, đặc biệt là lợi nhuận phát sinh từ các hoạt động giao dịch giữa

¹⁰ Úc cũng phát hành thông tin về tổng số thu nhập, thu nhập chịu thuế và thuế phải nộp của hơn 1.800 các pháp nhân bao gồm doanh nghiệp công, doanh nghiệp tư nhân trong nước và doanh nghiệp tư nhân nước ngoài vào năm 2013 - 2014.

các bên có liên quan nhưng lại không đáp ứng được điều kiện thực hiện mục đích chung giữa các bên thì cũng phải chịu mức thuế suất là 25% đối với lợi nhuận phát sinh đó.

Bên cạnh đó, một số quốc gia cũng ban hành các quy định chặt chẽ hơn về chống chuyển giá, quy định về vốn mỏng, về kiểm soát các công ty nước ngoài (Trung Quốc, Ba Lan...), xây dựng điều khoản chống tránh thuế trong Luật Thuế thu nhập (Singapore), thực hiện đánh giá lại tất cả các loại ưu đãi thuế (Kenya), hoặc xóa bỏ cơ chế miễn thuế có thời hạn (Indonesia thực hiện năm 1984) nhằm hạn chế hoạt động trốn thuế và kiểm soát được vấn đề chuyển lợi nhuận và trì hoãn nộp thuế.

Tại Trung Quốc¹¹, để đối phó với hoạt động chuyển giá, trong thời gian gần đây, nhiều chính sách mới được ban hành, trong có quy định các hoạt động giao dịch thanh toán của doanh nghiệp trong nước với doanh nghiệp nước ngoài bắt buộc phải thỏa mãn điều kiện là giao dịch độc lập (giao dịch giữa hai doanh nghiệp không có mối quan hệ với nhau, có tính pháp nhân riêng, không theo kiểu công ty mẹ con) và giao dịch cân bằng (giao dịch hai chiều có qua có lại giữa người bán và người mua). Trung Quốc quy định rõ 4 khoản giao dịch không hợp lý là nguyên nhân dẫn đến hoạt động chuyển giá¹²; quy định

¹¹ Deloitte (2016), *China Highlights 2016*, International Tax.

¹² Bao gồm: (i) Các giao dịch, thanh toán cho doanh nghiệp nước ngoài mà doanh nghiệp đó không có khả năng thực hiện và không có bất kì hoạt động kinh doanh thực tế nào; (ii) Thanh toán các dịch vụ lao động không đem lại lợi ích kinh tế cho công ty; (iii) Thanh toán chi phí nhượng quyền cho tài sản vô hình nhưng không mang lại giá trị tăng thêm; (iv) Thanh toán chi phí nhượng quyền cho lợi nhuận có được từ các hoạt động vốn trên thị trường tài chính.

về vốn mỏng với mục đích hạn chế việc khấu trừ các chi phí từ lãi suất vay vốn vượt quá tỷ lệ quy định trong đó tỷ lệ nợ trên vốn chủ sở hữu được quy định là 5:1 cho các tổ chức tài chính và 2:1 cho tất cả các doanh nghiệp thông thường. Các chi phí cho lãi suất vay vốn nếu vượt quá ngưỡng quy định sẽ không được khấu trừ, ngoại trừ trường hợp doanh nghiệp có đủ tài liệu chứng minh rằng vốn vay được thực hiện với điều kiện là giao dịch nội bộ độc lập và cân bằng với nhau¹³.

Ba Lan¹⁴ đưa ra quy định về kiểm soát các công ty nước ngoài vào tháng 01/2015, theo đó, các công ty nằm trong danh sách bị kiểm soát sẽ chịu mức thuế suất là 19%, đồng thời hạn chế số lượng pháp nhân nộp các giấy tờ về chuyển giá.

Tại Hàn Quốc¹⁵, theo quy định về các hoạt động chuyển giá, cơ quan thuế có thẩm quyền điều chỉnh thu nhập của đối tượng nộp thuế có đăng ký cư trú tại Hàn Quốc, nơi mà giá được khai báo đối với các giao dịch biên mậu giữa doanh nghiệp trong nước và đối tác nước ngoài có liên quan thấp hơn hoặc cao hơn giá quy định. Từ ngày 01/01/2016, các doanh nghiệp trong nước và nước ngoài có cơ sở thường trú tại Hàn Quốc có doanh thu hằng năm hơn 100 tỷ KRW và có khối lượng giao dịch với các bên đối tác có liên quan từ nước ngoài hơn 50 tỷ KRW/năm bắt buộc phải cung cấp thêm tài liệu về chuyển giá

¹³ Nguồn: *China Steps up Fight against Tax Evasion with New Regulations on Multinationals*.

¹⁴ OECD (2016), *Tax Reform in the OECD 2016*, OECD Publishing, Paris.

¹⁵ Nguồn: *Taxation and Investment in Korea 2016*, Reach, Relevance and Reliability.



theo thời hạn nộp thuế TNDN. Trong trường hợp không cung cấp, hoặc cung cấp thiếu tài liệu, hoặc sai thông tin thì chịu mức phạt 30 triệu KRW. Đối với các quy định về vốn mỏng, Hàn Quốc áp dụng quy tắc vốn mỏng với tỷ lệ nợ là 2:1 trên vốn chủ sở hữu đối với các cổ đông nước ngoài và tỷ lệ 6:1 dành cho các công ty tài chính. Trường hợp tỷ lệ nợ trên vốn chủ sở hữu vượt quá mức quy định trên thì phần vượt quá sẽ không được khấu trừ khi xác định thu nhập chịu thuế. Quy tắc này cũng được áp dụng đối với các khoản vay từ các cổ đông của doanh nghiệp nước ngoài có liên quan và từ các công ty mẹ và công ty con ở nước ngoài. Ngoài ra, quy định kiểm soát và quản lý công ty nước ngoài tại Hàn Quốc được áp dụng trong trường hợp một doanh nghiệp hoặc cá nhân cư trú tại Hàn Quốc sở hữu trực tiếp hoặc gián tiếp từ 10% số lượng cổ phiếu trở lên do doanh nghiệp nước ngoài phát hành và trong vòng 3 năm liên tiếp mức thuế suất thuế TNDN trung bình phải chịu bằng hoặc ít hơn 15%.

Tại Nhật Bản¹⁶, quy định về vốn mỏng thể hiện ở tỷ lệ nợ trên vốn chủ sở hữu là 3:1 có ý nghĩa nếu tỷ lệ nợ từ các công ty có cổ đông nước ngoài bị kiểm soát vượt quá 3 lần số vốn mà cổ đông đó nắm giữ thì số tiền lãi trên số nợ phải trả được coi như là chi phí không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế đối với các tổ chức, doanh nghiệp.

Indonesia đã xóa bỏ miễn thuế có thời hạn cho các nhà đầu tư nước ngoài vào năm 1984 do hiệu quả miễn thuế không cao. Cụ thể, miễn thuế không phải là mối quan tâm lớn trong các

¹⁶ Deloitte (2016), *Japan Highlights 2016*, International Tax.

quyết định đầu tư của tập đoàn nước ngoài và còn gây ra hiện tượng “ngược dòng thuế”, khiến cho nguồn thu thuế từ các nhà đầu tư nước ngoài, thay vì chảy vào ngân sách của Indonesia, đã chảy vào ngân sách của chính quốc gia của nhà đầu tư đó.

2.2. Hoàn thiện hệ thống quản lý thu thuế

Quản lý thu thuế là một lĩnh vực quản lý chuyên ngành, gồm một hệ thống các quá trình có liên quan chặt chẽ với nhau nhằm mục tiêu bảo đảm thu thuế đúng, đủ và công bằng theo quy định của pháp luật. Trong thời gian gần đây, một số quốc gia đã tập trung: (i) Quy định chặt chẽ về quản lý thuế như tăng cường hợp tác quốc tế trong việc trao đổi thông tin về thuế nhằm ngăn chặn các hành vi trốn thuế; (ii) Điều tra, đấu tranh với các hoạt động tránh thuế của doanh nghiệp có các tài khoản ở nước ngoài; (iii) Ngăn chặn và giải quyết tranh chấp thuế; (iv) Cải thiện công tác kiểm toán.

Hàn Quốc đã triển khai nhiều biện pháp nhằm ngăn chặn các hành vi trốn thuế và quản lý chặt chẽ nguồn thu nhập được chuyển ra nước ngoài thông qua việc yêu cầu doanh nghiệp, cá nhân báo cáo tài khoản tài chính ở nước ngoài (từ cuối năm 2010) cho Cơ quan Dịch vụ thuế quốc gia (NTS) khi tài khoản có trị giá hơn trị 1 tỷ KRW, nếu vi phạm sẽ phải chịu mức phạt là 10% (trước đây là 5%) của số tiền không khai báo. Bên cạnh đó, Hàn Quốc tập trung điều tra các đối tượng chính là các tập đoàn lớn, các doanh nghiệp bị nghi ngờ giao dịch phi pháp với đối tác nước ngoài hoặc các nhà tài phiệt có dấu hiệu được thừa kế, quà tặng với mục đích tránh thuế. Ngoài ra, Hàn Quốc cũng thực hiện cải cách thuế hướng tới ngăn chặn những đánh giá, thẩm định không chính xác về thuế cũng như hạn chế

những tranh chấp không đáng có dẫn tới số thu ngân sách từ các sắc thuế bị giảm đáng kể¹⁷.

Hiện các nước trên thế giới có 4 xu hướng cải thiện kiểm toán, gồm: (i) Tăng số lượng kiểm toán viên do nhiều cơ quan quản lý thu còn thiếu các nhân viên thuế không có chức năng kiểm toán; (ii) Tăng cường năng lực chuyên môn cho kiểm toán viên do thực tế các kiểm toán viên còn thiếu trình độ theo yêu cầu; (iii) Cải thiện quá trình kiểm toán, như việc lựa chọn các trường hợp kiểm toán và quy tắc kiểm toán; (iv) Phát triển các kỹ năng kiểm toán dựa trên công nghệ thông tin và dựa trên kinh nghiệm rủi ro. Nhằm nâng cao hiệu quả kiểm toán, các nước thường tập trung kiểm toán các doanh nghiệp lớn, đồng thời đơn giản hóa chế độ nộp thuế đối với các DNNVV nhằm làm giảm khối lượng công việc cho kiểm toán. Indonesia đưa ra chế độ thu thuế ước tính áp dụng đối với các DNNVV trong những lĩnh vực mà chi phí hành chính thu thuế vượt quá số thuế có thể thu được, từ đó giảm bớt các chi phí. Thái Lan thành lập một cơ quan chịu trách nhiệm xử lý các vấn đề liên quan đến thuế của các MNC, các cán bộ của cơ quan này được đào tạo đặc biệt để đối phó với các hoạt động trốn, tránh thuế và chuyển giá của MNC.

2.3. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ quản lý thu ngân sách và phối hợp giữa các cơ quan có liên quan

Phần lớn các quốc gia đẩy mạnh và ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý thu, không chỉ nhằm cắt giảm

¹⁷ Theo số liệu từ Văn phòng Ngân sách Quốc hội của Hàn Quốc, trong năm 2014 có 1.957 vụ tranh chấp liên quan đến thuế ước tính khoảng 5,6 nghìn tỷ KRW.

chi phí thu thuế mà còn nâng cao chất lượng, tiêu chuẩn quản lý thuế hiện đại. Chẳng hạn, tại Thái Lan, Malaysia, Kenya và Uganda áp dụng công nghệ dịch vụ thuế trên điện thoại di động¹⁸. Các quốc gia khác sử dụng hóa đơn điện tử thay thế cho hóa đơn giấy nhằm giảm thiểu hành vi trốn thuế/gian lận thuế giá trị gia tăng và giảm đáng kể những chi phí phát sinh cho doanh nghiệp¹⁹. Đi đầu trong lĩnh vực này là các quốc gia Mỹ La tinh, ngoài ra còn có Trung Quốc và một số nước châu Âu. Hà Lan ứng dụng 100% công nghệ thông tin vào quản lý thuế và sử dụng các ứng dụng truyền thông xã hội. Indonesia áp dụng công nghệ thông tin để thiết lập dữ liệu hồ sơ, dữ liệu tổng hợp, cơ chế một cửa quốc gia để quản lý thuế.

Các quốc gia hướng tới vấn đề chia sẻ dữ liệu thu thuế giữa các cơ quan có liên quan bao gồm hải quan, các cấp chính quyền trung ương và địa phương, các bộ, ngành, ngân hàng và các tổ chức hợp tác quốc tế. Ví dụ, Cambodia đưa ra hình thức hợp tác giữa các cơ quan thuế và văn phòng nhập cư để ngăn chặn những đối tượng không tuân thủ thuế rời khỏi đất nước.

2.4. Phát triển nguồn nhân lực, nâng cao trình độ cán bộ quản lý thu thuế

Nguồn nhân lực có năng lực và chuyên môn cao về quản lý thuế là một trong những ưu tiên mà các quốc gia rất chú trọng nhằm xây dựng một đội ngũ cán bộ thuế vững mạnh về chất lượng và số lượng để hạn chế thất thu thuế. Indonesia²⁰

¹⁸ ITC (2013), *Regional ITC Workshop Taxation in ASEAN: Identifying Experiences and Lessons Learned in Six Countries*, p.3-5, Bangkok.

¹⁹ IMF (4/2015), *Current Challenges in Revenue Mobilization: Improve Tax Compliance*, p.41.

²⁰ IMF (2016), *Tax Reform to Improve Tax Compliance*.

tập trung phát triển nguồn nhân lực theo hướng: (i) Nâng cao năng lực xử lý tranh chấp thuế; (ii) Thực hiện kiểm soát, làm minh bạch hệ thống nội bộ ngành thuế; (iii) Đưa ra các hình phạt xử lý đối với gian lận thuế mang tầm quốc tế do cơ quan thuế, cán bộ thuế gây ra. Tại Nam Phi²¹, để hạn chế thất thoát nguồn thu, Chính phủ hướng tới nâng cao năng lực quản lý thuế bằng cách tuyển dụng và duy trì nhân viên quản lý thuế có trình độ và chất lượng cao về chuyên môn.

ThS. Phạm Thị Thu Hồng

ThS. Phan Hải Linh

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. OECD (1987), *International Tax Avoidance and Evasion: Four Related Studies*.
2. HM Revenue and Customs (3/2015), *Tackling Tax Evasion and Avoidance*, p.5.
3. Dr. Patricia (01/2013), *Anti-tax Avoidance Measures in China and India: An Evaluation of Specific Court Decision*.
4. Gabriel Zucman (2016), *The Hidden Wealth of Nations*.
5. IMF (2016), *Tax Reform to Improve Tax Compliance*.
6. Fisman.R, Wei. Shang (2003), *Tax Rates and Tax Evasion: Evidence from "Missing Imports" in China*.
7. OECD (2007), *Tax Incentives for Investment - A Global Perspective: Experiences in MENA and non - MENA Countries*.
8. Eloitte (2016), *Taxation and Investment in Korea 2016*, Reach, relevance and reliability.

²¹ Davis Tax Committee Interim Report (2013), *Addressing Base Erosion and Profit Shifting in South Africa*.